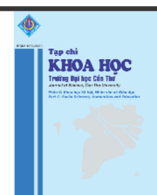




Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ

Phần C: Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục

website: sj.ctu.edu.vn



DOI:10.22144/ctu.jvn.2017.099

XÁC ĐỊNH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NHU CẦU HỌC NGHỀ - TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU Ở XÃ VỊ TÂN, THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

Phạm Ngọc Nhân và Hồ Quốc Nghĩa

Khoa Phát triển nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 05/12/2016

Ngày nhận bài sửa: 16/02/2017

Ngày duyệt đăng: 31/08/2017

Title:

Determination of factors affecting vocational training demands at Vị Tân village, Vị Thanh city, Hậu Giang province

Từ khóa:

Lao động, nhu cầu, nông thôn, tác động, yếu tố

Keywords:

Affecting, factor, labor, needs, rural areas

ABSTRACT

Determining the factors that have influences on the vocational training needs of rural labors in order to analysing these factors' influences on rural workers' demand. Through analysing, in the study, the authors suggests some solutions for vocational training in the local area, which can increase the quality of vocational training as well as contribute to the success of the new rural program. The study is focused on rural labors in Vị Tân village, Vị Thanh city, Hậu Giang province to analyse the influenced factors on vocational training needs in rural areas through the social survey. The result of Binary Logistic shows that the factors which affect vocational training demand are vocational training information ($B = 1.346$), labour resources at household level ($B = 1.291$) and the number of people in the household ($B = 1.214$). Some solutions such as improving the quality of vocational training and operating the training classes which meet the local needs are suggested to encourage rural workers to uphold their potential.

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm phân tích các yếu tố tác động đến nhu cầu học nghề của lao động và đưa ra các giải pháp đào tạo nghề trên địa bàn xã với mục đích nâng cao hiệu quả đào tạo nghề nông thôn góp phần xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay. Nghiên cứu này tập trung vào các đối tượng là lao động trong nông hộ trên địa bàn xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang để phân tích những yếu tố có tác động đến nhu cầu học nghề của lao động qua cách tiếp cận điều tra xã hội học. Kết quả phân tích mô hình hồi quy Binary Logistic cho thấy, yếu tố có ảnh hưởng nhiều nhất đến nhu cầu học nghề là Thông tin giới thiệu đào tạo nghề (Hệ số $B = 1,346$), thứ hai là yếu tố Số lao động trong nông hộ (Hệ số $B = 1,291$) và cuối cùng là Số nhân khẩu trong nông hộ (Hệ số $B = 1,214$). Một số giải pháp như nâng cao chất lượng dạy nghề tại địa phương, mở các lớp dạy nghề phù hợp với nhu cầu học nghề của lao động được đề xuất để họ có thể phát huy tối đa tiềm năng của mình.

Trích dẫn: Phạm Ngọc Nhân và Hồ Quốc Nghĩa, 2017. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu học nghề - Trường hợp nghiên cứu ở xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 51c: 98-106.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là quốc gia có truyền thống nông nghiệp lâu đời, nguồn lực lao động nông thôn hiện

có là 37.073.300 người thuộc lực lượng lao động nông thôn, chiếm 61,2% dân số sống ở vùng nông thôn (Tổng cục Thống kê, 2016) đây là một nguồn lực lao động dồi dào, đầy tiềm năng cho sự phát

triển kinh tế xã hội, góp phần thực hiện thành công quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Song, thực tế hiện nay lao động nông thôn được đào tạo và bồi dưỡng kiến thức về nghề nghiệp còn chiếm tỷ lệ thấp. Hầu hết kiến thức của người lao động sử dụng đều được đúc kết từ kinh nghiệm sản xuất của bản thân hay là sự truyền lại từ thế hệ trước. Cùng với mức sống thấp, thiếu việc làm và quá trình đô thị hóa càng làm cho đất nông nghiệp bị thu hẹp dần, một bộ phận lớn lao động ở tại di chuyển đến các thành phố để tìm kiếm việc làm. Vấn đề di cư này đã gây ra hệ lụy khá lớn làm các thành phố phải giải quyết việc làm, vấn đề nhà ở và môi trường. Để giải quyết vấn đề lao động này thì việc tạo ra việc làm cho lao động nông thôn luôn gắn chặt với đào tạo nghề cho họ để hướng tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế - việc làm cho khu vực nông thôn là điều rất cần thiết.

Xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang là một trong những địa phương có nghề sản xuất nông nghiệp truyền thống, dân cư sinh sống chủ yếu ở địa bàn nông thôn, nguồn lực lao động trẻ dồi dào nhưng công tác đào tạo nghề trên địa bàn chưa thật sự phát triển, chưa đáp ứng được nhu cầu của người học và nhu cầu của thị trường lao động. Người lao động ở nông thôn còn xem nhẹ công tác đào tạo nghề, chưa thật sự hiểu rõ vai trò của ngành nghề được đào tạo. Công tác đào tạo nghề trên địa bàn xã chủ yếu thông qua các chương trình, hoạt động khuyến nông, dự án, còn thiếu tính đồng bộ. Việc đánh giá nhu cầu lao động của người học và thị trường lao động chưa thật sự sâu sát dẫn đến lao động được đào tạo sau khi tốt nghiệp bỏ nghề hoặc việc làm không ổn định, mức thu nhập không cao; từ đó, làm ảnh hưởng lớn đến nhận thức của đại bộ phận lao động nông thôn trong công tác đào tạo nghề ở nông thôn hiện nay. Vì vậy, nghiên cứu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu học nghề của lao động nông thôn trên địa bàn xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang được thực hiện nhằm giúp cho địa phương xây dựng kế hoạch đào tạo lao động nông thôn dài hạn và khắc phục những hạn chế trong công tác đào tạo nghề để từ đó có những giải pháp hợp lý nâng cao hiệu quả chất lượng đào tạo nghề nông thôn.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo tổng kết hoạt động của Phòng Lao động Thương binh & Xã hội thành phố Vị Thanh qua các năm, tổng kết hoạt động của Hội Nông dân, báo cáo tình hình kinh tế - xã hội của xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Số liệu sơ cấp được thu thập bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện trong xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang với tổng số mẫu điều tra là 90 mẫu.

2.2 Phương pháp phân tích số liệu

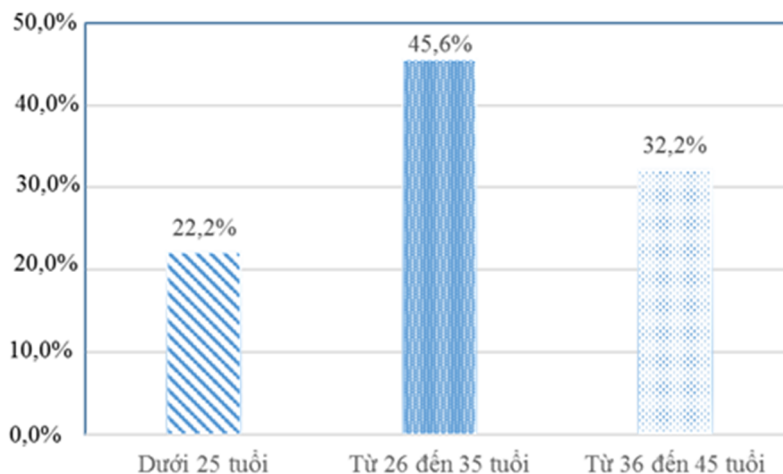
Các dữ liệu được xử lý bằng phần mềm Excel, SPSS 16.0 và tổng hợp phân tích dựa trên các phương pháp thống kê mô tả. Thêm vào đó là sử dụng phương pháp phân tích bảng chéo (cross – tabulation) ở mức ý nghĩa 5% để phân tích có hay không có về nhu cầu học nghề của lao động nông thôn trên địa bàn xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Phương pháp phân tích hồi quy (Binary Logistic) được sử dụng trong nghiên cứu này để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định có hay không có nhu cầu học nghề của lao động nông thôn.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Đặc điểm mẫu điều tra

3.1.1 Độ tuổi

Trong phạm vi nghiên cứu này, độ tuổi lao động được chia ra thành 3 nhóm tuổi khác nhau: Nhóm 1 gồm những lao động có độ tuổi từ 16 đến 25 chiếm tỷ lệ 22,2%, nhóm 2 gồm những lao động có độ tuổi từ 25 đến 35 chiếm tỷ lệ 45,6%, kế tiếp là nhóm tuổi thứ 3 bao gồm những lao động có độ tuổi từ 36 đến 45 chiếm tỷ lệ 32,2% (Hình 1). Tại địa bàn lao động có nhóm tuổi từ 25 đến 35 chiếm tỷ lệ cao nhất. Qua đó cho thấy, lao động ở đây có độ tuổi tương đối trẻ rất phù hợp với nhu cầu lao động hiện nay, đồng thời cũng rất thích hợp cho mục tiêu đào tạo nghề tại địa phương.



Hình 1: Tỷ lệ độ tuổi lao động của mẫu điều tra

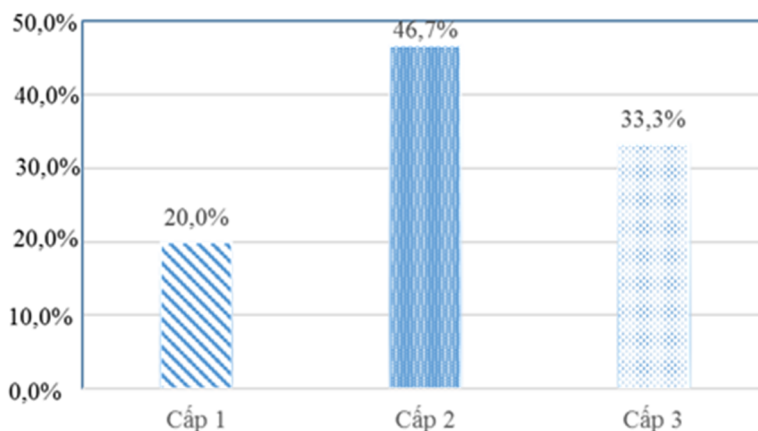
(Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 90 nông hộ tại xã Vị Tân, 2016)

3.1.2 Giới tính

Kết quả thống kê cho thấy tỷ lệ nam được phỏng vấn trong nghiên cứu chiếm 83,3% (75 lao động). Bên cạnh đó, nữ được phỏng vấn cũng chiếm tỷ lệ tương đối cao 16,7% (15 người). Kết quả này cho thấy, do tập quán sản xuất nông nghiệp truyền thống và ở hộ gia đình nông thôn thì chủ hộ là nam giới, chính vì điều này, nam giới thường am hiểu các công việc trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp nhiều hơn nữ giới. Tuy nhiên, qua quá trình thu thập số liệu điều tra cho thấy nữ giới cũng rất năng động, họ luôn có nhu cầu trong học tập và tiếp thu tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất và canh tác, để họ có thể tạo được thêm thu nhập cho gia đình, nâng cao được kỹ năng cũng như kiến thức, từ đó giảm bớt gánh nặng cho những lao động chính trong gia đình, giúp nông hộ phát triển.

3.1.3 Trình độ học vấn

Kết quả phân tích Hình 2 cho thấy, tất cả lao động nông thôn tham gia phỏng vấn đều biết chữ, trong đó số lao động có trình độ cấp 2 (từ lớp 6 đến lớp 9) là 42 người (chiếm tỷ lệ 46,7%) có tỷ lệ cao nhất. Tại địa bàn nghiên cứu, trong quá trình khảo sát cho thấy người lao động tại đây cho rằng trình độ học vấn không ảnh hưởng nhiều đến nhu cầu học nghề của họ. Bởi do trên địa bàn xã hoạt động sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, hoạt động này được tổ chức theo phương thức cha truyền con nối nên dù có học nghề hay không thì họ vẫn gắn bó với nghề nông là chính. Tuy nhiên, theo Đặng Kim Sơn (2008), trình độ học vấn của học viên có mối quan hệ chặt chẽ và tỷ lệ thuận với chất lượng đào tạo nghề. Trình độ học vấn hiện nay đang ảnh hưởng trực tiếp và không nhỏ đối với công tác đào tạo nghề cho lao động, đặc biệt là chất lượng đào tạo cho đội ngũ lao động nông thôn trong tương lai.



Hình 2: Thống kê trình độ học vấn của mẫu điều tra

(Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 90 nông hộ tại xã Vị Tân, 2016)

3.1.4 Tình trạng học nghề của lao động nông thôn

Qua khảo sát 90 lao động cho thấy, phần lớn lao động chưa qua đào tạo nghề (chiếm 76,7%). Lao động qua đào tạo nghề vẫn còn chiếm tỷ lệ thấp (23,3%). Nguyên nhân chủ yếu là do trình độ dân trí còn thấp, trình độ học vấn cao nhất chỉ ở cấp 3 không có lao động nào đạt trình độ cao đẳng hay đại học, nên khả năng nhận thức về việc học nghề chưa cao. Điều đó là mặt rất hạn chế đối với nguồn lực lao động trên địa bàn xã hiện nay.

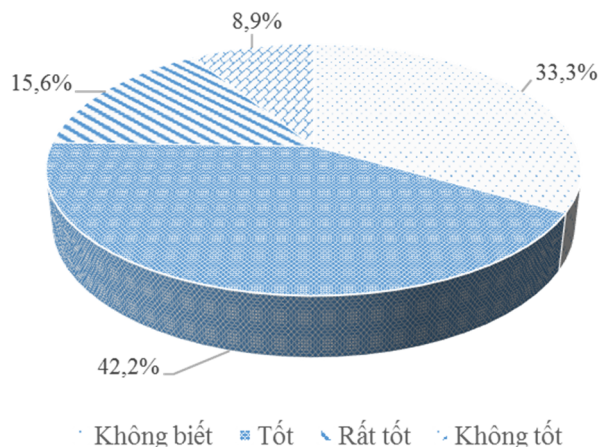
Bảng 1: Tình trạng học nghề của lao động nông thôn

Tình trạng học nghề	Tần số	Tỷ trọng (%)
Đã được học nghề	21	23,3
Chưa qua học nghề	69	76,7
Tổng	90	100,0

(Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 90 nông hộ tại xã Vị Tân, 2016)

3.1.5 Hiệu quả đào tạo nghề qua nhận thức của lao động nông thôn

Nghiên cứu tiến hành phân tích hiệu quả đào tạo nghề tại địa phương trong những năm gần đây qua nhận thức của lao động nông thôn. Kết quả thể hiện trên Hình 3 cho thấy, có 15,6% lao động cho rằng hiệu quả đào tạo nghề rất tốt, 42,2% cho rằng hiệu quả đào tạo tốt. Tuy nhiên, vẫn còn phần lớn lao động nông thôn không đánh giá được hiệu quả đào tạo nghề tại địa phương trong thời gian qua, họ cho rằng không biết gì về hiệu quả đào tạo nghề nên không thể đánh giá được (chiếm tỷ lệ 33,3%) và đánh giá không tốt (chiếm 8,9%). Kết quả nghiên cứu này cũng phản ánh rằng, còn một bộ phận lớn lao động nông thôn thờ ơ với công tác đào tạo nghề, họ cho rằng việc đào tạo nghề và đánh giá có hiệu quả hay không là do chính quyền địa phương hay là việc của các cán bộ Nhà nước, do vậy họ không cần phải quan tâm đến công tác đào tạo nghề. Điều này cho thấy chưa có sự phối hợp, phát huy vai trò của người học cũng như tìm hiểu ý kiến của người dân trong công tác đào tạo nghề để phát triển nâng cao hiệu quả đào tạo.



Hình 3: Hiệu quả đào tạo nghề qua nhận thức của lao động

(Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 90 nông hộ tại xã Vị Tân, 2016)

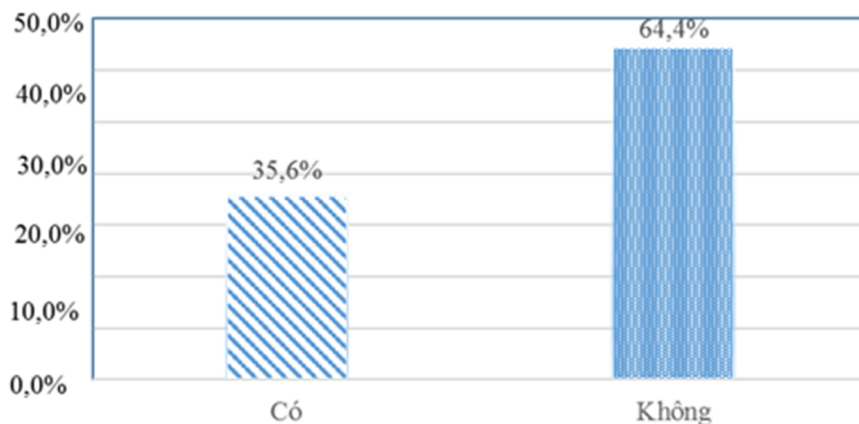
3.1.6 Nhận thức của lao động về nhu cầu học nghề

Kết quả nghiên cứu của Trương Thị Ngọc Chi và ctv. (2012) cho thấy nhận thức của lao động nông thôn trong việc học nghề và lựa chọn nghề nghiệp có sự phát triển hơn so với trước đây. Nguyên nhân là do trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã thực hiện nhiều giải pháp tuyên truyền, lồng ghép học nghề thông qua các cuộc họp, hội ở địa phương, tăng cường đầu tư giáo dục dạy nghề,... Để làm rõ yếu tố này, câu hỏi đối với người được phỏng vấn “có hay không nhu cầu học nghề nông thôn trong thời gian tới?” được đặt ra.

Kết quả Hình 4 cho thấy phần lớn lao động được hỏi không có nhu cầu học nghề (chiếm tỷ lệ 64,4%). Nhận thức của lao động trong việc lựa chọn nghề nghiệp và học nghề có liên quan đến sự hỗ trợ thông tin ban đầu từ các Trung tâm đào tạo nghề. Theo kết quả nghiên cứu của Phạm Ngọc Nhân (2015) cho thấy các bậc cha mẹ nông thôn thông thường ít quan tâm hướng nghiệp cho con. Một mặt, do sự nhận thức về nhu cầu học nghề của họ còn liên quan bởi yếu tố cá nhân là trình độ học vấn còn thấp, còn ngại khi phải tham gia lớp học hoặc cảm thấy việc học tập là áp lực quá nặng nề đối với người lớn tuổi. Bên cạnh đó, qua cuộc khảo

sát tại địa bàn nghiên cứu các lao động tại đây cho rằng hiệu quả đào tạo của các chương trình dạy nghề trong thời gian qua còn thấp, đa phần lao động thất nghiệp sau khi tốt nghiệp, không tìm được việc làm hoặc có việc làm tại nhà thì không tìm được đầu ra cho sản phẩm. Tại địa bàn nghiên cứu, hầu hết là lao động nông thôn tham gia vào

lĩnh vực sản xuất nông nghiệp mang lại thu nhập chính cho gia đình, do vậy nếu họ dành thời gian để học nghề sẽ mất đi lao động trong gia đình, không tạo được thu nhập trong thời gian tham gia học nghề. Đây cũng là một trong những yếu tố cản trở sự tham gia học nghề của lao động nông thôn.

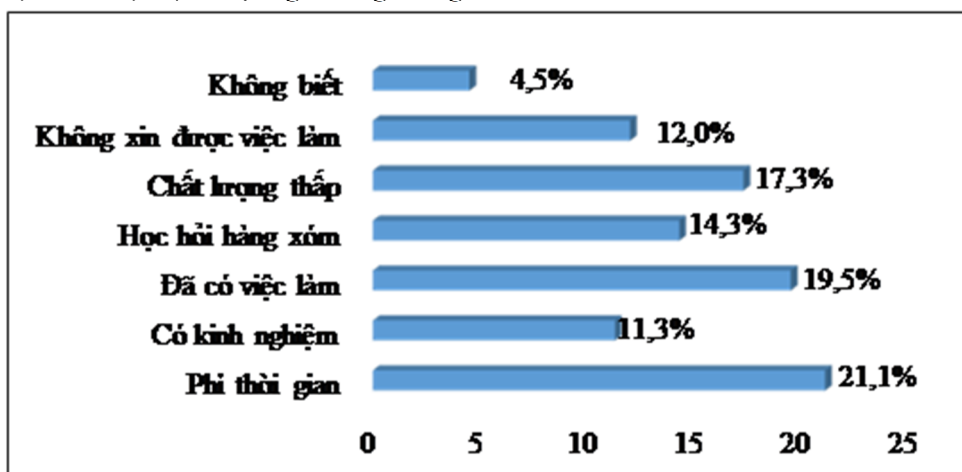


Hình 4: Nhu cầu học nghề của lao động nông thôn

(Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 90 nông hộ tại xã Vị Tân, 2016)

Kết quả khảo sát lý do lao động không tham gia học nghề trên Hình 5 cho thấy, phần lớn lao động cho rằng phí thời gian trong việc học nghề, để thời gian đó đi làm thuê kiếm thêm thu nhập (chiếm tỷ lệ 21,1%), nguyên nhân thứ hai là họ đã có việc làm ổn định nên không có nhu cầu học nghề (chiếm 19,5%). Bên cạnh đó, vẫn còn có những nguyên nhân mà các lao động không có nhu cầu học nghề như hiệu quả đào tạo không chất lượng hay chất lượng thấp (chiếm 17,3%), kể đến là họ đã có kinh nghiệm hoặc học hỏi từ hàng xóm lân lượt chiếm (11,3% và 14,3%) và học nghề xong không

có việc làm (chiếm 12%) cũng là nguyên nhân khiến các lao động không thể tham gia vào các lớp đào tạo nghề. Kết quả nghiên cứu của Hồng Lê Thọ (2008) cho rằng đào tạo nghề chưa thu hút và tạo sự tin tưởng với người dân, lao động nông thôn còn nhiều lúng túng trong chọn nghề và học nghề do thiếu thông tin tìm kiếm việc làm sau khi học. Hơn nữa, công tác đào tạo nghề tại địa phương còn thiếu tính liên kết giữa các đơn vị dạy nghề. Do đó, sự đầu tư về công tác này còn thiếu chiều sâu, chất lượng đào tạo còn thấp, đào tạo thừa lao động nhưng lại thiếu lao động có tay nghề.



Hình 5: Lý do lao động không tham gia học nghề

(Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 90 nông hộ tại xã Vị Tân, 2016)

3.1.7 Xu hướng chọn nghề của lao động

Theo nhận định của Trương Thị Ngọc Chi và *ctv.* (2012) trong nghiên cứu đánh giá lực lượng lao động nông thôn ở thành phố Cần Thơ, nhu cầu đào tạo nghề của người dân nông thôn trong thời gian tới là khá phức tạp do khác biệt về trình độ học vấn, nhu cầu học nghề và tính chất lao động khác nhau. Việc phân loại, khảo sát các nhóm đối tượng này là cần thiết để có kế hoạch đáp ứng nhu cầu của người dân nông thôn. Kết quả phân tích cho thấy xu hướng học nghề của lao động nông thôn nghiêng về lĩnh vực nông nghiệp nhiều hơn so với các lĩnh vực khác, cụ thể:

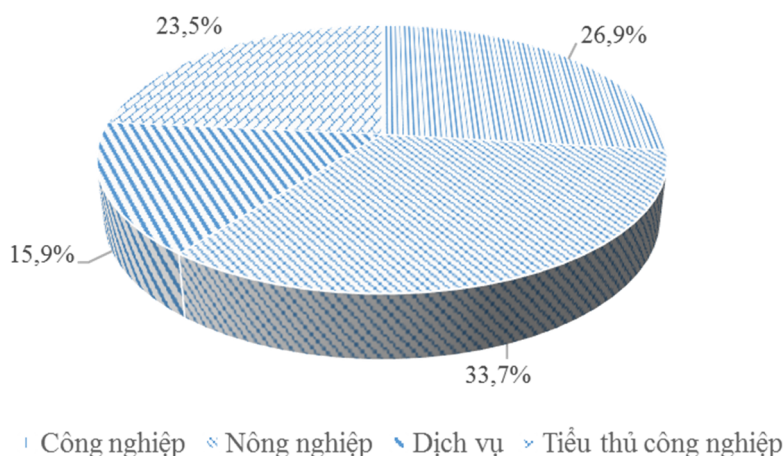
– *Lĩnh vực nông nghiệp*: Lao động có nhu cầu học nghề chiếm tỷ lệ cao (33,7%), do trên địa bàn xã hoạt động nông nghiệp là chủ yếu nên lao động tại đây có xu hướng chọn học nghề thuộc lĩnh vực này chiếm tỷ trọng cao nhất. Một số ngành nghề được lao động đề xuất như: kỹ thuật trồng trọt (trồng lúa, kỹ thuật trồng cây ăn quả,...), chăn nuôi (heo), tập huấn nuôi trồng thủy sản. Điều này được giải thích do những nông hộ có đất sản xuất và đã có kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, nên họ có nhu cầu tập huấn về kỹ thuật để tăng hiệu quả sản xuất và nâng cao chất lượng nông sản.

– *Lĩnh vực công nghiệp*: Lao động có nhu cầu học nghề thuộc lĩnh vực này chiếm tỷ lệ cũng tương đối cao 26,9%, trong đó bao gồm các ngành nghề như: cơ khí, điện tử, sửa xe, xây dựng,... Điều này cho thấy lao động tại xã cũng muốn học hỏi và phát triển các ngành công nghiệp tại đây để họ có được đầu ra tìm kiếm việc làm nhằm tăng thêm thu nhập. Hơn nữa, lao động sẽ có được kinh

nhệm từ việc học nghề mà có thể dễ dàng di chuyển ra các đô thị lớn như thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ để tìm việc làm thích hợp. Đây cũng là xu hướng phát triển nông thôn trong thời gian tới và giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp.

– *Lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp*: Lao động có nhu cầu trong lĩnh vực này chiếm tỷ lệ 23,5%. Ở địa bàn nghiên cứu, nghề tiểu thủ công nghiệp như đan lục bình, tre, lát được lao động ưa chuộng góp phần cải thiện thu nhập cho nông hộ. Mặc dù thu nhập từ nghề tiểu thủ công nghiệp không cao nhưng đã góp phần giải quyết lao động nhàn rỗi tại địa phương, đặc biệt đối với nhóm phụ nữ nội trợ sẽ tận dụng được thời gian nhàn rỗi. Tuy nhiên, đầu ra của sản phẩm tiểu thủ công nghiệp không ổn định nên thu nhập trong lĩnh vực này cũng chưa được ổn định.

Lĩnh vực dịch vụ: Lao động có nhu cầu học nghề trong lĩnh vực này chiếm tỷ lệ 15,9%, chủ yếu các ngành nghề kinh doanh, làm đẹp như: uốn tóc, hót tóc,... Dịch vụ được xác định là một trong những yếu tố đánh giá sự phát triển của một vùng hay một quốc gia. Trong xu thế hội nhập nền kinh tế chung châu Á và Việt Nam gia nhập TPP (Trans-Pacific Partnership Agreement: Hiệp ước đối tác xuyên Thái Bình Dương) thì nhu cầu về lĩnh vực dịch vụ sẽ phát triển nên lao động có định hướng cần đào tạo về dịch vụ. Tuy nhiên, ở vùng nông thôn lao động chỉ có thể tham gia vào các lĩnh vực dịch vụ như mua bán nhỏ lẻ, làm đẹp, cắt tóc, trang điểm,... Các lĩnh vực dịch vụ lớn hơn như sửa chữa, nhân viên phục vụ hầu như họ chưa có cơ hội tham gia.



Hình 6: Xu hướng lựa chọn nghề nghiệp của lao động

(Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 90 nông hộ tại xã Vĩ Tân, 2016)

3.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu học nghề của lao động nông thôn

3.2.1 Giải thích mô hình hồi qui Binary Logictis

Trong phạm vi nghiên cứu này, đề tài sử dụng mô hình hồi qui phi tuyến tính Binary Logictis dùng để xác định mức độ tác động của các yếu tố đến việc có hay không có nhu cầu học nghề của lao động nông thôn. Đây là một trong những mô hình dùng để ước lượng mô hình có biến phụ thuộc dạng nhị phân được nghiên cứu bởi nhà thống kê David R. Cox..

Mô hình hồi qui được giả định trong nghiên cứu như sau:

$$\ln \left[\frac{P(Y=1)}{P(Y=0)} \right] = B_0 + B_1X_1 + B_2X_2 + B_3X_3 + B_4X_4 + B_5X_5$$

Trong mô hình nghiên cứu này, hàm Logictis bao gồm về trái là biến phụ thuộc có 2 giá trị: 0 (nếu lao động không có nhu cầu học nghề) và 1 (nếu lao động có nhu cầu học nghề). Về phải của phương trình gồm có 3 nhóm biến khác nhau bao gồm: (1) nhóm biến số về đặc điểm cá nhân của lao động tham gia học nghề (tuổi của lao động: X_1 , giới tính của lao động: X_2), (2) nhóm biến số về đặc điểm của nông hộ (nhân khẩu: X_3 , số lao động: X_4) và (3) nhóm biến số về chính sách của Nhà nước khi đào tạo việc làm (cung cấp thông tin đào tạo nghề: X_5). Ở mỗi biến sẽ giải thích cho sự tham gia của lao động có nhu cầu học nghề hay không có nhu cầu học nghề trong mô hình hồi qui này.

Bảng 2: Mô tả biến được sử dụng trong mô hình

Nhóm biến	Tên biến	Ý nghĩa/cách tính	Dấu kỳ vọng
Nhóm đặc điểm cá nhân	X_1	Tuổi (năm)	-
	X_2	Giới tính (1 = nam, 0 = nữ)	+/-
Nhóm đặc điểm nông hộ	X_3	Số nhân khẩu trong nông hộ (người)	+
	X_4	Số lao động trong nông hộ (người)	+/-
Nhóm chính sách của Nhà nước	X_5	Thông tin giới thiệu đào tạo nghề (1 = có, 0 = không)	+

Kết quả phân tích từ mô hình hồi qui Binary Logictis cho thấy chỉ số 2-log likelihood đạt giá trị 87,816, và đây là chỉ số thích hợp khẳng định tính chắc chắn của mô hình, hệ số tương quan Cox & Snell R Square là 0,295, hệ số tương quan Nagelkerde R Square có giá trị là 0,402. Từ kết quả phân tích có thể khẳng định rằng khoảng 40,2% giá trị của mô hình được giải thích từ mô hình hồi quy Binary Logictis và đây là một hệ số tương quan tương đối. Kết quả phân tích cũng cho thấy tỷ lệ dự đoán của mô hình là khá cao (76,7%), có thể giúp kết luận mô hình hồi quy tương quan Binary Logictis sử dụng trong nghiên cứu là hoàn toàn hợp lý.

Kết quả phân tích Bảng 3 cho thấy các biến số độc lập X_1 ; X_3 ; X_4 ; X_5 là các biến số có ý nghĩa về mặt thống kê. Biến số X_2 (giới tính) không có ý nghĩa về mặt thống kê khi phân tích trong mô hình này.

– *Biến số tuổi của lao động (X_1)* có giá trị Sig. = 0,044, hệ số B = -0,069, có quan hệ tỷ lệ nghịch với nhu cầu học nghề của lao động nông thôn. Điều này có nghĩa là tuổi của lao động càng cao thì nhu cầu học nghề của họ càng thấp. Kết quả

nghiên cứu này cho thấy nếu chính sách đào tạo nghề của địa phương tập trung vào những đối tượng là lao động trẻ thì sẽ đào tạo được nguồn lao động có tay nghề cao, đáp ứng được nhu cầu thị trường lao động trong tương lai, giải quyết được tình trạng thất nghiệp của lao động trẻ và hạn chế một lượng lớn lao động trẻ di cư tìm kiếm việc làm ra thành phố lớn. Bên cạnh đó, nếu độ tuổi của lao động càng cao thì sẽ có nhiều cản trở hơn trong việc tham gia học nghề của họ như: tuổi càng cao thì càng khó tiếp thu các kiến thức trong quá trình đào tạo cũng như sự nhạy bén trong học tập của lao động, đối với những lao động có tuổi cao, có nhiều kinh nghiệm trong thực tế sản xuất thì việc thay đổi ngành nghề đối với họ cũng là vấn đề khó khăn khi lựa chọn, tuổi của lao động cao khó có thể xin việc sau khi đào tạo xong với các lí do thâm niên công tác, sức khỏe. Tuy nhiên, sự gia nhập vào cộng đồng kinh tế chung ASIAN (Association of Southeast Asian Nations: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á) của Việt Nam, cơ hội nghề nghiệp cho các đối tượng lao động trong thời gian tới sẽ cao hơn. Lúc đó, biến tuổi trong mô hình này không có ý nghĩa cao vì lao động có độ tuổi cao vẫn có thể tham gia lao động vào các nhóm ngành nông nghiệp hoặc phi nông nghiệp.

– *Biến số giới tính (X_2)* là biến số độc lập về giới tính có hệ số Sig. = 0,316 ($\alpha > 0,05$), có hệ số B = 0,807. Biến số này trong phương trình cho thấy giới tính ảnh hưởng không có ý nghĩa về mặt thống kê. Trong những năm trở lại đây, các Trung tâm đào tạo nghề nông thôn không giới hạn cũng như không có sự hạn chế giới tính về việc học nghề. Bởi lẽ, hiện nay việc phân biệt về giới đã được cải thiện hơn rất nhiều, các bậc cha mẹ cũng có suy nghĩ thoáng hơn xưa nên việc lo cho con em có nghề nghiệp ổn định là một điều tất yếu, chính vì vậy quyền lợi được học nghề của lao động ở nông thôn cho cả nam và nữ là như nhau. Mặc dù vậy, theo Trương Thị Ngọc Chi và ctv. (2012), vẫn đề xác định ảnh hưởng của giới tính đến nhu cầu học nghề của lao động nông thôn hay không còn rất phức tạp bởi việc xác định rõ nhu cầu học nghề của họ cần phải xét theo từng nhóm ngành nghề mới có thể kết luận chính xác.

– *Biến số nhân khẩu trong nông hộ (X_3)* cho kết quả Sig. = 0,000 ($\alpha < 0,05$), hệ số B = 1,214. Điều này cho thấy đối với những hộ gia đình có số lượng nhân khẩu càng đông, đặc biệt là nhân khẩu ngoài độ tuổi lao động như trẻ em, người già,... Bên cạnh đó, nông hộ thiếu tư liệu sản xuất và việc làm không ổn định thì nhu cầu học nghề của lao động trong nông hộ càng cao. Ngoài ra, nếu số nhân khẩu đông như vậy thì sức ép về mặt chi tiêu sinh hoạt hằng ngày đối với gia đình càng lớn, do vậy họ cần phải tìm kiếm nghề nghiệp ổn định thông qua các khóa đào tạo nghề ở địa phương.

– *Biến số lao động trong nông hộ (X_4)* cho kết quả Sig. = 0,002 ($\alpha < 0,05$), hệ số B = 1,291 cho thấy đối với những hộ gia đình có lực lượng lao động đông, nhưng bộ phận lao động này trong gia

đình lại nhàn rỗi, không có việc làm nên họ luôn có nhu cầu học nghề để tìm kiếm ngành nghề phù hợp góp phần tăng thu nhập cho gia đình mình. Bên cạnh đó, vấn đề thu nhập trong nông hộ luôn tạo áp lực cho họ phải tìm kiếm nghề nghiệp qua sự hỗ trợ của các ban ngành đoàn thể hoặc chính quyền địa phương trong việc đào tạo nghề.

– *Biến số cung cấp thông tin về đào tạo nghề (X_5)* có hệ số Sig. = 0,031 ($\alpha < 0,05$) và B = 1,346 cho thấy biến số này có ý nghĩa về mặt thống kê trong mô hình. Tuy nhiên, thực tế thông tin về các lớp đào tạo nghề chưa thật sự gây được sự chú ý cho lao động nông thôn về việc học nghề trong thời gian qua. Nhưng trong những năm trở lại đây, chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã được nhiều địa phương thực hiện, nhiều cơ sở đào tạo nghề, nhiều lớp học nghề cho lao động nông thôn đã được mở ra. Nhiều thông tin tuyên truyền, cách thức vận động người dân đã được các địa phương thực hiện, từ đó số lao động tham gia học nghề đã không ngừng được cải thiện và tăng lên. Qua đó cũng khẳng định được tầm quan trọng cũng như sự ảnh hưởng của thông tin tuyên truyền đến việc học nghề của lao động nông thôn. Trong quá trình phỏng vấn, nhiều lao động cũng cho biết rằng việc cung cấp thông tin giới thiệu về ngành nghề, dự định đào tạo, thông tin giới thiệu việc làm sau khi lao động hoàn thành khóa học, đóng vai trò cũng khá quan trọng đối với lao động học nghề. Điều này trên thực tế cũng hoàn toàn đúng, bởi do vấn đề học nghề cần phải có thông tin thì người lao động mới lựa chọn được ngành nghề phù hợp với bản thân họ, từ đó mới khơi gợi được hứng thú học nghề (yêu nghề) mà tham gia học nghề nhiều hơn.

Bảng 3: Kết quả phân tích hồi qui của mô hình Binary Logistic

Yếu tố	Hệ số B	S.E.	Wald	Sig.	e ^b
X ₁ Tuổi	-0,069	0,034	4,067	0,044	0,933
X ₂ Giới tính	0,807	0,805	1,004	0,316	0,446
X ₃ Nhân khẩu	1,214	0,339	12,844	0,000	0,297
X ₄ Số lao động trong nông hộ	1,291	0,412	9,804	0,002	3,638
X ₅ Thông tin giới thiệu đào tạo	1,346	0,626	4,633	0,031	3,844
Hằng số	1,209	1,792	0,455	0,500	3,350

(Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 90 nông hộ tại xã Vị Tân, 2016)

4 KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát xu hướng học nghề của lao động nông thôn cho thấy, lao động nông thôn tại đây có xu hướng học nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp là chủ yếu. Một số ngành nghề được lao động đề xuất như kỹ thuật trồng trọt (trồng lúa, trồng mía chất lượng cao, kỹ thuật trồng cây ăn quả,...), chăn nuôi (heo), tập huấn nuôi trồng thủy sản chiếm tỷ lệ cao nhất. Đối với ngành nghề thuộc

lĩnh vực công nghiệp được lao động nông thôn lựa chọn chiếm tỷ lệ cũng tương đối cao 26,9% trong đó bao gồm các ngành nghề như cơ khí, điện tử, sửa xe, xây dựng,... Bên cạnh đó, các ngành thuộc lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp như: đan lục bình, tre, lát được lao động ưa chuộng góp phần cải thiện thêm thu nhập cho nông hộ chiếm tỷ lệ 23,5% và chiếm tỷ lệ thấp nhất là lao động lựa chọn ngành nghề trong lĩnh vực dịch vụ chiếm tỷ lệ 15,9%, bao

gồm các ngành nghề như: kinh doanh, làm đẹp, uốn tóc, hót tóc...

Kết quả phân tích mô hình Hồi qui Binary Logictis cho thấy, mức độ phù hợp của mô hình đạt giá trị 76,7%, trong đó các biến số độ tuổi (X1), số nhân khẩu (X3), nguồn lực lao động trong nông hộ (X4), biến số thông tin giới thiệu đào tạo nghề X5, có ý nghĩa thống kê. Biến số giới tính (X2) ($Sig = 0,316 > 0,05$) không có ý nghĩa thống kê khi đưa vào mô hình nghiên cứu này.

LỜI CẢM Ạ

Tác giả chân thành gửi lời cảm ơn đến Ủy ban Nhân dân xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang cùng các cán bộ xã trên địa bàn nghiên cứu đã tạo điều kiện cho nghiên cứu này thực hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đặng Kim Sơn, 2008. Nông nghiệp, nông thôn và nông dân Việt Nam – Hôm nay và mai sau. Nhà

xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật. Hà Nội. 224 trang.

Hồng Lê Thọ, 2008. Lao động có kỹ năng: Lỗ hổng nghiêm trọng trong sự phát triển ở Việt Nam. Tạp chí nghiên cứu và thảo luận Thời Đại Mới. Số 13 - 03/2008, ngày truy cập 17/06/2016. Địa chỉ: www.tapchithoidai.org/ThoiDai13/200813_HongLeTho_2.htm

Phạm Ngọc Nhân, 2015. Đánh giá nhu cầu học nghề và giải pháp đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp trường. Trường Đại học Cần Thơ.

Tổng Cục Thống kê, 2016. Niên giám thống kê năm 2015. Nhà xuất bản Thống Kê. Hà Nội. 947 trang.

Trương Thị Ngọc Chi, Dương Ngọc Thành, Nguyễn Công Thành và ctv., 2012. Đánh giá nguồn lực lao động và đề xuất giải pháp đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Cần Thơ. Đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Thành phố Cần Thơ